TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: **613**/2019/KDTM-PT
Ngày: 02-7-2019
V/v tranh chấp thỏa thuận ứng tiền mua chứng khoán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Anh
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Chinh
Bà Lưu Thị Đoan Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân – thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến – kiểm sát viên

Trong ngày 14 và 24 tháng 5; ngày 12 tháng 6 và ngày 02 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2019/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 03 năm 2019 về tranh chấp thỏa thuận ứng tiền mua chứng khoán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân Quận 7 bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1726/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH một thành viên M**
Địa chỉ trụ sở: Tầng 4A-15 + 16 Tòa nhà V Center ĐK, phường K1, QuậnK21, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện được ủy quyền: Bà Lạc Thị Tú D, sinh năm 1983 *(có mặt)*
Địa chỉ: 68/1 đường H, phường H1, Quận H2, TP Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Phan Công B, sinh năm 1984
Địa chỉ: 464 đường L, phường L1, Quận L2, Thành phố Hồ Chí Minh.
(có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Công B, sinh năm 1957
Địa chỉ: số 1243/54A đường V, xã V1, huyện V2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Nguyễn Công B', sinh năm 1957
Địa chỉ: 1243/54A đường V, xã V1, huyện V2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông B' có mặt tại phiên tòa ngày 14 và 24 tháng 5; ngày 12 tháng 6; vắng mặt ngày 02 tháng 7 năm 2019

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn trình bày:

Ông B là nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên M (gọi tắt là Công ty M).

Ngày 07 tháng 5 năm 2009, theo sự giới thiệu của ông B, Công ty M đã chấp thuận mở tài khoản đầu tư chứng khoán (gọi tắt là "tài khoản chứng khoán") cho ông Nguyễn Công B' tại Công ty M và giao cho ông B phụ trách việc chăm sóc và hỗ trợ ông B' trong hoạt động đầu tư chứng khoán. Đồng thời trong cùng ngày, ông B' có văn bản ủy quyền cho ông B thay mặt ông B' để thực hiện các hoạt động đầu tư chứng khoán bao gồm: Đặt lệnh giao dịch, ứng trước tiền bán; Gửi/rút/đăng ký mua chứng khoán; và Nhận kết quả giao dịch.

Trong quá trình hỗ trợ ông B' thực hiện các giao dịch chứng khoán, ông B đã có văn bản đề nghị Công ty M cho phép ông B được cấp hạn mức hỗ trợ thanh toán tiền mua chứng khoán ngày T0 cho khách hàng. Ông B cam kết sẽ chịu trách nhiệm quản lý và bảo lãnh thanh toán đối với hạn mức hỗ trợ này; đề nghị của ông B đã được Công ty M đồng ý với mức tạm ứng tiền mua chứng khoáng là 1.000.000.000 đồng.

Ngày 12-5-2009, ông B và Công ty M ký Thỏa thuận ứng trước tiền mua chứng khoán (gọi tắt là "Thỏa thuận ứng trước") với nội dung:

- Công ty M (bên A) đồng ý ứng trước cho ông B (bên B) hạn mức là 1 tỷ đồng để đầu tư.

- Số tiền thực nhận ứng là: Số tiền bên B thực nhận bên A theo kết quả khớp lệnh ngày giao dịch (ngày T); cụ thể, vào ngày giao dịch (ngày T) bên A đồng ý ứng trước cho bên B số tiền ghi trên Điều 1 để bên B đặt lệnh mua chứng khoán. Bên B có nhiệm vụ thanh toán số tiền thực nhận ứng (ngày T) cho bên A trong thời hạn trước 11 giờ ngày (T+2), nếu quá thời hạn trên mà bên B không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền thực nhận ứng bên B phải chịu mức lãi suất phạt cho khoản tiền chưa thanh toán là 1,065%/ngày.

- Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận điều khoản về phương thức thanh toán, hiệu lực hợp đồng và cam kết thực hiện…

Căn cứ Thỏa thuận ứng trước và theo đề nghị của ông B, ngày 22 tháng 01 năm 2010 Công ty M đã chuyển số tiền 1.240.000.000 đồng vào tài khoản số 200014950021513 của ông B' mở tại Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam để mua 5.000 cổ phiếu KSS với giá 59.000đồng/cổ phiếu; 14.700 cổ phiếu PVA với giá 34.000 đồng/cổ phiếu; 19.000 cổ phiếu VGS với 23.300 đồng/cổ phiếu theo lệnh đặt mua của ông B. Tính đến ngày 03-09-2010 ông B còn nợ Công ty M số tiền là 230.000.000 đồng.

Ngày 03 tháng 9 năm 2010, ông B đã ký giấy cam kết thanh toán số 02/10/CK-KEVS với nội dung: ông B cam kết trả số tiền 230.000.000 đồng cho Công ty M chậm nhất là đến ngày 30-11-2010;

Ngày 20-9-2010, ông B trả 198.999 đồng rồi ngưng không trả nữa, ông B tiếp tục có văn bản cam kết gia hạn thời gian thanh toán số 01/10/CK-KEVS với đề nghị gia hạn thời gian số tiền nợ đến ngày 30-3-2011. Mặc dù đã ký các cam kết nhưng cho đến thời điểm hiện tại ông B vẫn chưa thanh toán cho Công ty M tiền nợ còn thiếu là 229.801.001 đồng.

Công ty M đã khởi kiện ông B' tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu ông B' trả số tiền nợ phát sinh từ thỏa thuận ứng trước tiền mua chứng khoán là 229.801.000 đồng. Tại Bản án sơ thẩm số 851/2012/KDTM-ST ngày 20-6-2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án phúc thẩm số 11/2012/KDTM-PT ngày 12-10-2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao (gọi tắt là Bản án sơ thẩm và phúc thẩm) đã xác định trách nhiệm trả số tiền 229.801.001 đồng cho Công ty M là của ông B, Công ty M khởi kiện ông B' là không đúng đối tượng nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

Căn cứ Bản án sơ thẩm và phúc thẩm nên ngày 04-3-2013, Công ty M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 buộc ông B phải trả số tiền còn nợ là 229.801.001 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh tính từ ngày 30-3-2011 đến ngày 10-01-2019 là 161.093.650 đồng, tổng cộng là 390.894.651 đồng, yêu cầu trả làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với các yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết với các lý do sau:

- Tại các Bản án sơ thẩm và phúc thẩm có ghi nhận: " Căn cứ vào giấy yêu cầu mở tài khoản giao dịch chứng khoán do nguyên đơn, bị đơn (tức ông B') và ông B lập ngày 07 tháng 5 năm 2009 không có nội dung thể hiện bị đơn ủy quyền nguyên đơn cho tạm ứng trước tiền mua chứng khoán hoặc bị đơn ủy quyền cho ông B đề nghị nguyên đơn cho ứng trước tiền mua chứng khoán", đồng thời cũng ghi nhận sự việc công ty chưa thu hồi được khoản nợ, tuy nhiên do công ty không yêu cầu bị đơn ông B phải hoàn trả khoản nợ này nên Tòa án không có căn cứ để xem xét mặc dù ông B đã thừa nhận khoản nợ này thông qua Các cam kết thanh toán số 02/10/CK-KEVS ngày 03 tháng 9 năm 2010 và Cam kết gia hạn thời gian thanh toán số 01/10/CK-KEVS ngày 03-11-2010.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khi sự việc, vụ án đã được giải quyết B bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, Tòa án sẽ trả lại đơn. Do đó, bị đơn ông B yêu cầu Tòa án Quận 7 tiếp tục giải quyết yêu cầu tuyên giấy thỏa thuận là giao dịch vô hiệu theo đơn phản tố ngày 25-8-2016 và đơn phản tố sửa đổi bổ sung ngày 07-6-2018 là thuộc trường hợp trả đơn theo quy định pháp luật tại Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và đình chỉ giải quyết theo Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Mặt khác, ông B cho rằng quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm nhưng Tòa án chưa giải quyết trong năm 2012, thì ông B phải khởi kiện hoặc phản tố trong thời hạn quy định của Điều 427 Bộ luật Dân sự 2005. Trong khi đó, tính từ thời điểm Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngày 12-10-2012, đến ngày Tòa án Quận 7 nhận đơn phản tố của ông B là ngày 25 tháng 8 năm 2016 là hơn 3 năm 10 tháng. Như vậy,thời hiệu yêu cầu của ông B đã hết; đề nghị Tòa án không xem xét các yêu cầu phản tố này của bị đơn.

Theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, việc đưa ra yêu cầu bổ sung của các đương sự không được vượt quá phạm vi của yêu cầu ban đầu; Bị đơn ông B yêu cầu phản tố bổ sung đối với số tiền 224.138.908 đồng trong đơn phản tố sửa đổi, bổ sung ngày 07-6-2018 đã vượt hơn số tiền 76.591.209 đồng trong đơn phản tố ngày 25-8-2016.

2. Bị đơn trình bày:

Ông B là nhân viên kinh doanh của Công ty TNHN một thành viên Maybank M, đến ngày 01/8/2010 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại công ty, ông B có ký giấy thỏa thuận ứng trước tiền mua chứng khoán ngày 12-5-2009.

Theo giấy Thỏa thuận ứng trước tiền mua chứng khoán, ông B được ứng theo hạn mức là 1.000.000.000 đồng. Thực tế, số tiền ứng trước thực tế nhiều hơn số tiền 1.000.000.000 đồng. Căn cứ vào Giấy cam kết thanh toán số 02/10/CK-KEVS ngày 03-9-2010 của ông B thể hiện ông B' còn nợ 230.000.000 đồng, sau đó ngày 20-9-2010 ông B có trả 198.999 đồng.

Số tiền nợ gốc 229.801.001 đồng mà hiện nay Công ty M khởi kiện yêu cầu ông B trả lại thực chất là số tiền nợ phát sinh từ số tiền 1.240.000.000 đồng ông B đã tạm ứng Công ty M để mua chứng khoán, chứ không phải là số tiền nợ phát sinh từ các giấy cam kết ngày 03-9-2010 và 30-11-2010. Việc Công ty M ứng trước tiền cho ông B thực hiện các giáo dịch mua chứng khoán trong khi khách hàng không có tiền trong tài khoản để đặt lệnh mua chứng khoán chính là cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán. Điều này đã được khẳng định trong các Bản án sơ thẩm số 851/2012/KDTM-ST ngày 20-6-2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án phúc thẩm số 11/2012/KDTM-PT ngày 12-10-2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao.

Thời điểm mà Công ty M thực hiện việc ứng trước tiền mua chứng khoán cho ông B là ngày 22-01-2010. Vào thời điểm này, Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29-06-2006 của Quốc Hội có hiệu lực pháp luật.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 73 Luật chứng khoán năm 2006 thì Công ty chứng khoán "… không được cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán, trừ trường hợp Bộ Tài chính có quy định khác." Bộ Tài chính vào thời gian này không ban hành bất cứ quy định nào cho phép Công ty chứng khoán được phép

cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán. Do đó, việc Công ty M cho ông B vay tiền mua chứng khoán là vi phạm quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Danh sách hỗ trợ và thanh toán hỗ trợ từ ngày 01-01-2009 đến ngày 12-12-2011 và Bảng sao kê tài khoản của ông B' tại Ngân hàng Eximbank từ ngày 07-5-2009 đến ngày 20-9-2010 thì Công ty M đã thu tổng số tiền phí của ông B' là 3.301.090.117 đồng. Theo bị đơn, đây là khoản tiền phí nhưng bản chất là tiền lãi phát sinh do Công ty M ứng trước vào tài khoản của ông B'.

Do đó, bị đơn không đồng ý với tòa bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Yêu cầu phản tố của bị đơn có các nội dung:

Tuyên giao dịch ứng trước tiền mua chứng khoán (giao dịch vay, cho vay) giữa Công ty TNHH MTV chứng khoán Maybank M và ông Nguyễn Công B' do ông Nguyễn Văn Công B ký kết là giao dịch vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

Căn cứ Khoản 2 Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2005 về giải quyết hậu quả do giao dịch dân sự vô hiệu, yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn Công ty M phải trả lại cho ông B số tiền mà nguyên đơn đã thu từ tài khoản của ông B' từ ngày 15-5-2009 đến ngày 22-01-2010 với số tiền là 301.090.117 đồng.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên – ông Nguyễn Công B' trình bày:

Ông Nguyễn Phan Công B là nhân viên Công ty M là con ông. Năm 2009, theo đề nghị của ông B ông đã mở Tài khoản chứng khoán tại Công ty M và ông đã ủy quyền cho ông B thay ông thực hiện các giao dịch: đặt lệnh giao dịch, ứng tiền bán; gửi /rút/đăng ký mua chứng khoán; nhận kết quả giao dịch. Trong thời gian từ tháng 06/2009 đến tháng 06/2010 ông B đã thực hiện nhiều giao dịch chứng khoán từ tài khoản chứng khoán của ông.

Theo kết quả giao dịch, Công ty đã cho ông B vay tiền (dưới danh nghĩa hỗ trợ, ứng trước tiền mua chứng khoán) với hạn mức 1.000.000.000 đồng. Bản thân ông không ủy quyền cho ông B vay tiền của công ty chứng khoán M để mua chứng khoán nhưng công ty vẫn ký giấy thỏa thuận ứng trước tiền mua chứng khoán với ông B và cho vay khoản tiền 1.240.000.000 đồng để mua chứng khoán vào ngày 22-01-2010; khi giá cổ phiếu giảm ông B đã bán các cổ phiếu đã vay tiền mua để hoàn trả số tiền vay và còn nợ lại 229.801.001 đồng.

Năm 2012, Công ty M đã khởi kiện ông B' tại Tòa án để đòi ông trả số tiền 229.801.001 đồng này. Qua hai cấp xét xử, Tòa án đã xác định việc Công ty M ông cho B vay tiền để mua chứng khoán, thu tiền lãi trên khoản tiền vay này là vi phạm Khoản 4 Điều 73 Luật chứng khoán năm 2006, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M đối với ông. Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông đề nghị Tòa án không chấp nhận khoản tiền lãi, đối với yêu cầu phản tố của bị đơn tuyên bố giấy Thỏa thuận ứng trước tiền mua chứng khoán ngày 12-5-2009 và công ty chứng khoán phải trả lại cho bị đơn số tiền phí đã thu ông đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

II- Nội dung quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Phan Công B phải trả số tiền 229.801.001 đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M; trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Nguyễn Phan Công B phải trả số tiền lãi 161.093.650 đồng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Maybank M.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Phan Công B: Tuyên bố Thỏa thuận ứng trước tiền mua chứng khoán ngày 12-5-2009 ký giữa Công ty nhiệm hữu hạn một thành viên Maybank M với ông Nguyễn Phan Công B là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Phan Công B buộc Công ty nhiệm hữu hạn một thành viên Maybank M phải trả lại cho ông B số tiền 301.090.117 đồng

Ngoài ra, bản án còn xác định nghĩa vụ chịu án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

III- Kháng cáo:

Đơn kháng cáo đề ngày 29-01-2019 của ông Nguyễn Phan Công B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

IV- Tại phiên tòa phúc thẩm:

1) Đương sự kháng cáo trình bày:

1.1) Bị đơn trình bày:

Ông B là nhân viên của Công ty M, để có thêm thu nhập từ lợi nhuận mua bán cổ phiếu và được công ty khuyến khích kinh doanh chứng khoán B cách cho vay tiền mua cổ phiếu nên đã nhờ ông B' (cha ruột) mở tài khoản và ủy quyền cho cho ông B được sử dụng tài khoản rỗng do nhân viên công ty không được đứng tên giao dịch.

Ngày 12-5-2009, Công ty M và ông Nguyễn Phan Công B đã ký thỏa thuận về việc công ty cho ông B vay theo hạn mức 1.000.000.000 đồng.

Từ ngày 12-5-2009 đến 28-6-2010, ông B đã sử dụng tài khoản của ông B' kinh doanh chứng khoán B tiền vay của Công ty M. Quá trình kinh doanh, ông B đều đặn thanh toán tiền vay, lãi vay theo thỏa thuận và phí giao dịnh chứng khoán.

Khi chứng khoán lao dốc, Công ty M đã tự bán cổ phiếu của ông B để thu nợ. Số nợ còn lại ông B chưa trả được là 230.000.000 đồng.

Qua thời gian tham gia chứng khoán, ông B đã thua lỗ tiền của bản thân là 1.322.904.000 đồng, cộng thêm các khoản phí và lãi vay Công ty M đã thu là 780.564.234 đồng (gồm: lãi vay mua chứng khoán là 322.148.519 đồng; lãi tiền

vay ứng trước mua chứng khoán là 154.783.904 đồng; phí giao dịch chứng khoán là 303.631.715 đồng), tổng cộng thất thoát là 2.103.468.000 đồng. Chưa kể bản thân ông B bị cắt lương 03 tháng trước khi nghỉ việc.

Tòa sơ thẩm tuyên bản thỏa thuận ứng tiền mua chứng khoán ngày 12-5-2009 vô hiệu, buộc ông B phải trả số nợ còn thiếu cho Công ty M nhưng lại không cho ông B được đòi lại số tiền Công ty M đã nhận của ông B là không phù hợp qui định tại Khoản 2 Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005.

Căn cứ Sao kê tài khoản do Eximbank cung cấp thì thấy việc chi hỗ trợ tiền mua chứng khoán và lãi được tính theo thỏa thuận 0,065%/ngày.

Ví dụ:

- Ngày 15-5-2009, chi hỗ trợ tiền mua chứng khoán 104.000.000 đồng

Ngày 20-5-2009, Công ty M thu 104.338.000 đồng:

(104.000.000 đồng x 0,065%/ngày x 5 ngày = 338.000 đồng)

- Ngày 18-5-2009, chi hỗ trợ tiền mua chứng khoán 508.014.000đồng

Ngày 27-5-2009, Công ty M thu 510.985.882 đồng:

(510.985.882 đồng x 0,065%/ngày x 9 ngày = 2.971.881 đồng)

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông B: Chấp nhận đơn phản tố của ông Nguyễn Phan Công B, buộc Công ty M phải hoàn trả cho ông B số tiền lãi đã thu là 322.148.519 đồng.

1.2) Nguyên đơn trình bày:

Ngày 22 tháng 01 năm 2010, Công ty M đã chuyển số tiền 1.240.000.000 đồng vào tài khoản số 200014950021513 của ông B' để ông B thực hiện giao dịch mua bán chứng khoán theo Thỏa thuận ứng trước tiền mua chứng khoán ngày 12-5-2009

Công ty M đã tiến hành thu nợ thông qua tài khoản của ông B', tính đến ngày 03-09-2010 ông B còn nợ Công ty M số tiền là 230.000.000 đồng, số nợ này đã được ông B xác nhận và cam kết thanh toán.

Phí giao dịch chứng khoán được tính 0,02% trên doanh thu. Giao dịch chứng khoán do ông B thực hiện được Công ty M thông qua Ngân hàng Eximbank và thu trực tiếp. Các phiếu thu trực tiếp hiện nay Công ty M không còn lưu giữ.

Từ ngày ông B' mở tài khoản cho đến ngày kết thúc giao dịch thì ông B đã nhiều lần khớp lệnh, tùy theo kết quả mỗi lần khớp lệnh Công ty M sẽ chuyển số tiền thực nhận ứng cho ông B.

Công ty M chưa thực hiện việc tính lãi phạt chậm thanh toán ông B theo Điều 2 của thỏa thuận ứng trước tiền mua chứng khoán ngày 12-5-2019.

Công ty M không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phan Công B, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1.3) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 07-5-2009, Ông Nguyễn Công B' là cha ruột của ông Nguyễn Phan Công B có mở tài khoản đầu tư chứng khoán và ủy quyền cho ông B thực hiện giao dịch trên tài khoản rỗng. Quá trình giao dịch cho đến khi phát sinh tranh chấp, ông B' không ủy quyền cho ông B vay tiền của Công ty M và không nhận khoản tiền sinh lợi nào.

Số tiền Công ty M chuyển vào tài khoản của ông B' cho ông B thực hiện giao dịch chứng khoán đã được Công ty M thực hiện thu hồi tiền cho vay, phí cho vay cũng như phạt chậm thanh toán khoản vay không liên quan đến quyền lợi hay nghĩa vụ của ông B, chỉ có khoản phí giao dịch chứng khoán khoảng 0,02% trên số tiền giao dịch vào từng thời điểm là liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông B' nhưng trong vụ án này các bên không tranh chấp khoản phí này. Vì vậy, yêu cầu đòi lại phí cho vay cũng như phạt chậm thanh toán khoản vay là quyền của ông Nguyễn Phan Công B.

2- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và ra thông báo thụ lý phúc thẩm; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trong thời hạn qui định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần; tiến hành xét xử phúc thẩm trong phạm vi thẩm quyền.

Trình tự thủ tục tại phiên tòa tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo qui định tại điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung kháng cáo:

Trong quá trình thực hiện các hoạt động giao dịch chứng khoán , Công ty M đã thu số tiền: "phí hỗ trợ thanh toán, phí hỗ trợ, phí" được trích từ tài khoản của ông Nguyễn Công B',. Việc ông B thực hiện các giao dịch chứng khoán là thực hiện từ việc nhận ủy quyền của ông B' cho ông B nhưng do ông B đã thực hiện vượt quá phạm vi ủy quyền nên phải chịu trách nhiệm thanh toán nợ. Ông B' không ủy quyền cho ông B khởi kiện Công ty M để yêu cầu hoàn trả số tiền

thu từ tài khoản của mình nên xét yêu cầu của bị đơn về việc buộc Công ty M hoàn trả cho ông B số tiền 301.090.117 đồng là thuộc trường hợp không có quyền khởi kiện. Hơn nữa, bị đơn cũng không xác định được đâu là khoản tiền phí được phép thu, đâu là khoản tiền trả lãi mà Công ty M đã thu. Vì vậy, căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 192; điểm g Khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn. Do nguyên đơn và bị đơn đều có lỗi dẫn đến giao dịch vô hiệu nên phải tự chịu hậu quả theo Điều 137 Bộ luật tố tụng Dân sự 2005

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Phan Công B nộp trong thời hạn qui định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] - Xem xét nội dung kháng cáo:

2.1- Văn bản Yêu cầu mở tài khoản ngày 07-05-2009 của ông Nguyễn Công B' tại Công ty cổ phần chứng khoán M Việt Nam ủy quyền cho ông Nguyễn Phan Công B: Đặt lệnh giao dịch, ứng trước tiền bán; Gửi/rút/đăng ký mua chứng khoán; Nhận kết quả giao dịch; Không có nội dung thể hiện ông B' ủy quyền cho ông B tạm ứng tiền mua chứng khoán của Công ty M. Như vậy, ông B thay mặt ông B' ký Thỏa thuận ứng tiền mua chứng khoán ngày 12-05-2009 là vượt quá phạm vi ủy quyền nên ông B phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền tạm ứng của Công ty M đã được sử dụng để giao dịch chứng khoán thông qua tài khoản của ông B'.

2.2- Khoản 4 Điều 73 Luật Chứng khoán năm 2006 quy định về hạn chế đối với công ty chứng khoán là không được cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán nên Thỏa thuận ứng tiền mua chứng khoán ngày 12-05-2009 bị vô hiệu. Ông B có nghĩa vụ phải trả cho Công ty M số tiền 229.801.001 đồng, phát sinh từ Thỏa thuận ứng tiền mua chứng khoán ngày 12-05-2009 là có căn cứ.

Tại Điều 2 trong Thỏa thuận ứng tiền mua chứng khoán ngày 12-05-2009 ký giữa Công ty cổ phần chứng khoán M Việt Nam (KEVS) và ông Nguyễn Phan Công B có thỏa thuận: trường hợp bên ứng tiền chậm thanh toán tiền ứng theo qui định thì phải chịu mức lãi suất phạt 0,065%/ngày.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều xác định phí giao dịch chứng khoán được tính là 0,02% trên doanh thu cho mỗi đợt giao dịch. Nguyên

đơn trình bày không cung cấp được các chứng từ thu phí do thời gian đã lâu nên công ty không còn lưu giữ.

Xem xét Bảng kê giao dịch khớp lệnh từ ngày 12-5-2009 đến ngày 13-9-2010 do Công ty cổ phần chứng khoán M Việt Nam lập; bảng Sao kê tài khoản từ ngày 15-5-2009 đến ngày 20-9-2010 của Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam (EXIMBANK) – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp; Bảng tính chi tiết số tiền Công ty M chi hỗ trợ mua chứng khoán và phí hỗ trợ đã thanh toán (căn cứ vào nội dung trên sao kê tài khoản ngân hàng và bảng kê khớp lệnh) do ông Nguyễn Phan Công B lập thì thấy số tiền mà EXIMBANK thu hộ nguyên đơn bao gồm: Tiền hỗ trợ mua chứng khoán mà ông B đã ứng; Lãi phạt chậm thanh toán được tính là 0,065%/ngày trên số tiền ứng cho mỗi lần giao dịch; Phí giao dịch chứng khoán. Tổng số tiền lãi phạt chậm thanh toán được tính là 322.148.591 đồng. Như vậy, yêu cầu kháng cáo của ông B có căn cứ được chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét chấp nhận đối với số tiền là 301.090.117 đồng theo đơn yêu cầu phản tố của ông B.

Do Thỏa thuận ứng tiền mua chứng khoán ngày 12-05-2009 bị vô hiệu nên Công ty M không được quyền tính phạt chậm thanh toán như bản án sơ thẩm xác định là có căn cứ.

Ông B là người ký thỏa thuận bị buộc phải chịu trách nhiệm đối với số tiền Công ty M hỗ trợ được chuyển vào tài khoản của ông B’ nên cũng có quyền có các yêu cầu liên quan đến số tiền mà Công ty M đã thu trong tài khoản của ông Nguyễn Công B’, gồm: thu tiền ứng cho vay mua chứng khoán; thu tiền lãi suất phạt chậm thanh toán 0,065%/ngày. Phí giao dịch chứng khoán 0,02% ông B’ không yêu cầu xem xét và không có tranh chấp. Bản án sơ thẩm buộc ông B có trách nhiệm phải thanh toán số tiền còn nợ trên số tiền ứng trước mà Công ty M đã chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Công B’ nhưng không xem xét yêu cầu phản tố của ông B là không phù hợp qui định tại Khoản 4 Điều 72 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 nên cần phải sửa.

IV- Về án phí:

1- Án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí được tính lại. Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm trên nghĩa vụ của mình và trên yêu cầu không được chấp nhận.

2- Án phí phúc thẩm: Đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phan Công B, sửa bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên M: Buộc ông Nguyễn Phan Công B có trách nhiệm trả số tiền 229.801.001 đồng, phát sinh từ thỏa thuận ứng tiền mua chứng khoán ngày 12-05-2009 cho Công ty TNHH một thành viên Maybank M;

- Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH một thành viên M buộc ông Nguyễn Phan Công B phải trả số tiền lãi 161.093.650 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Phan Công B: Tuyên bố Thỏa thuận ứng trước tiền mua chứng khoán ngày 12-5-2009 ký giữa Công ty cổ phần chứng khoán M Việt Nam (hiện nay là: Công ty TNHH một thành viên M) với ông Nguyễn Phan Công B là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Phan Công B buộc Công ty TNHH một thành viên Maybank M phải trả lại cho ông B số tiền 301.090.117 đồng.

2- Án phí:

2.1- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Phan Công B phải chịu án phí sơ thẩm là 11.490.050 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.123.780 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2014/0009977 ngày 07/10/2016 và số tiền 5.603.473 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/70025655 ngày 29/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM. Ông B phải nộp 3.762.797 đồng.

- Công ty TNHH một thành viên M phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho ông B là 15.054.506 đồng và trên yêu cầu không được chấp nhận là 8.054.683 đồng, tổng cộng án phí sơ thẩm phải chịu là 23.109.189 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.699.000 đồng nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2011/07913 ngày 02/4/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. HCM. Nguyên đơn còn phải nộp 16.410.189 đồng.

2.1- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ông Nguyễn Phan Công B được nhận lại tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0026648 ngày 29-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành

án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có qui định khác.

Việc thi hành được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ (Hân).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Anh